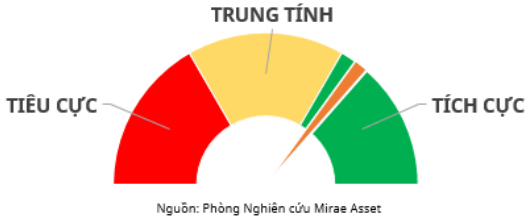


Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)

**Tổng quan thị trường**

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,288.62	-0.84	-5.72	-3.89
HNX	311.77	-1.14	-14.78	-3.19
UPCOM	94.32	-0.82	-9.58	5.52
MSCI EM	1,067.86	-0.91	-0.44	-23.09
NIKKEI	27,413.88	-0.16	2.22	-5.29
HANG SENG	21,061.00	-1.10	-0.13	-28.11
KOSPI	2,658.99	-1.00	-1.34	-17.47
FTSE	7,532.95	-0.98	-0.15	5.98
S&P 500	4,101.23	-0.75	-1.30	-2.54
NASDAQ	11,994.46	-0.72	-4.32	-12.81

**Nhận định thị trường**

**Áp lực bán mạnh tại ngưỡng 1,300**

VN-Index đã có những thời điểm tăng khá tốt, nhưng áp lực bán mạnh trên ngưỡng 1,300 điểm đã kéo VN-Index quay đầu giảm điểm và nhanh chóng mất mốc 1,290 điểm vào cuối phiên. Kết thúc, VN-Index đóng cửa giảm gần 11 điểm, dừng chân tại 1,288 điểm, tương ứng giảm 0,84% so với phiên trước. Thanh khoản khớp lệnh có phần tăng mạnh khi đạt hơn 527 triệu đơn vị, tăng 4,3% so với phiên trước đó, tương ứng với giá trị đạt hơn 14,781 tỷ đồng.

**Định giá thị trường**

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	13.85	2.18	15.94
SET INDEX	18.35	1.21	9.23
JCI INDEX	17.61	2.18	12.58
PCOMP INDEX	19.15	1.64	8.95

Nhóm cổ phiếu Thép bị bán mạnh ở nhiều mã như HPG (-3,5%), HSG (-4,2%). Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu dầu khí cũng chịu áp lực chốt lời mạnh như PVD (-2,95%), PVS (-3%) và GAS (-1,7%). Trái ngược, PNJ thu hẹp đà giảm với mức tăng hơn 5% và đóng cửa ở mức cao nhất trong lịch sử tại 123.200 đ/cp.

**Lãi suất tham chiếu**

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.39	1	28	127
10 năm	3.14	0	15	93

Khối ngoại chuyển sang bán ròng hơn 544 tỷ đồng trên cả 2 sàn HNX và HSX. Trong đó, HPG và VIC bị bán mạnh nhất với tổng giá trị lần lượt đạt 160 tỷ và 98 tỷ. Còn ở chiều ngược lại, DGC được mua ròng hơn 86 tỷ đồng trong phiên ngày hôm nay.

**Tỷ giá ngoại hối**

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,206	-0.01	-1.03	-0.69
US\$/KRW	1,253	-1.20	1.03	-11.12
US\$/JPY	130	0.20	0.22	-15.64
US\$/EUR	0.94	-0.34	-1.70	14.22
US\$/GBP	0.80	-0.39	-0.34	13.05
US\$/SGD	1.38	-0.12	0.75	-3.90

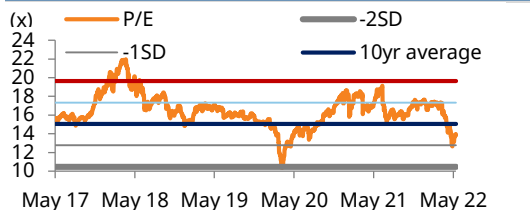
Việc VN-Index giảm hơn 10 điểm đã khiến cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index giảm nhẹ từ mức +5 điểm xuống +4 điểm, nhưng vẫn giữ trạng thái đánh giá ngắn hạn là **KHẢ QUAN**. P/E của VN-Index hiện tại đang ở mức 13,8x

**Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)**

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	595	594	968
HNX	75	70	131
UPCOM	40	32	73

**Trương Hoàng Tiến Hưng**, Analyst, 84-8-39102222, [hung.tht@miraeeasset.com.vn](mailto:hung.tht@miraeeasset.com.vn)

**Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử**



**Cập nhật kỹ thuật các chỉ số**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	<b>KHẢ QUAN</b>
Shanghai Composite	7	<b>KHẢ QUAN</b>
Kospi	4	<b>KHẢ QUAN</b>
Nikkei 225	6	<b>KHẢ QUAN</b>
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	6	<b>KHẢ QUAN</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

# Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (02/06/2022)	Kháng cự 1	<b>1.300</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.320</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.240</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.200</b>

Mặc dù giảm điểm nhưng VN-index vẫn giữ được nền giá tạo ra ở trong 3 phiên trước đó trên 1,285 điểm.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

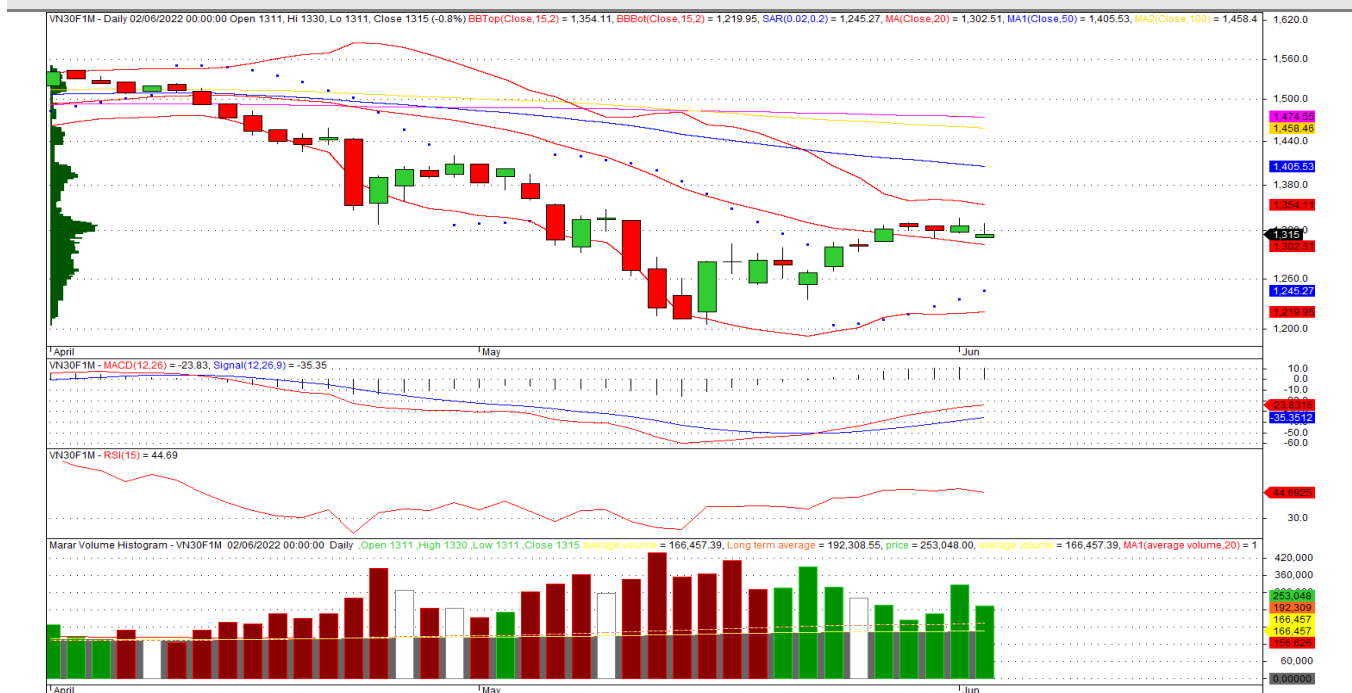
## CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (01/06/2022)	1.315	Kháng cự 1 <b>1.330</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>KHẢ QUAN</b>	Kháng cự 2 <b>1.400</b>
VN30 - đóng cửa	1.325	Hỗ trợ 1 <b>1.270</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-10,5</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.240</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>4</b>	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>3</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN30F1M (chart ngày)	<b>5</b>	<b>KHẢ QUAN</b>

VN30F1M bị áp lực bán mạnh và thủng nền giá quanh 1,320 đã tạo ra trước đó

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PNJ	Bán lẻ	123,200	967,480	97	5	Top sức mạnh ngành
REE	Điện	92,600	1,366,845	96	4	
ANV	Thủy sản	57,000	1,802,625	93	5	Top sức mạnh ngành
FPT	Phần mềm	111,500	2,352,505	93	4	
VHC	Thủy sản	110,500	1,927,125	91	7	Top sức mạnh ngành
HAH	Kho bãi, hậu cần	89,000	2,052,125	90	7	
GMD	Kho bãi, hậu cần	57,500	2,836,185	79	6	

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
DGC	233.6	1,523,000	7	KHẢ QUAN	39,964	12.4	5.5	356
VHC	110.5	1,927,125	7	KHẢ QUAN	20,105	13.3	3.2	213
HAH	89	2,052,125	7	KHẢ QUAN	5,942	10.8	3.5	183
FRT	136	1,167,345	7	KHẢ QUAN	10,742	18.6	5.9	159
IDI	26.7	3,699,245	7	KHẢ QUAN	6,078	19.2	1.9	99
MIG	31.55	2,274,110	7	KHẢ QUAN	4,512	17.7	2.5	72
DPM	61.5	5,079,070	6	KHẢ QUAN	24,067	4.8	2.0	312
GMD	57.5	2,836,185	6	KHẢ QUAN	17,329	25.5	2.6	163
VSC	49.4	1,138,565	6	KHẢ QUAN	5,457	16.4	2.0	56
MWG	147.7	1,346,640	5	KHẢ QUAN	108,095	21.0	4.8	199
SHS	18.5	9,876,930	5	KHẢ QUAN	8,132	6.0	1.4	183
PNJ	123.2	967,480	5	KHẢ QUAN	29,860	22.6	3.7	119
HBC	22.8	4,543,815	5	KHẢ QUAN	5,601	50.9	1.5	104
ANV	57	1,802,625	5	KHẢ QUAN	7,246	26.7	2.9	103
BVH	54.1	1,830,355	5	KHẢ QUAN	40,160	21.4	1.9	99
TNG	29.5	2,558,210	5	KHẢ QUAN	2,953	10.9	2.0	75
VGC	42.2	1,134,730	5	KHẢ QUAN	18,920	11.5	2.4	48
GVR	25.8	1,839,190	5	KHẢ QUAN	103,200	23.5	2.1	47
PET	43.5	1,017,520	5	KHẢ QUAN	3,908	13.6	2.1	44
CMX	20.9	1,939,045	5	KHẢ QUAN	1,898	14.1	1.7	41
GIL	73.2	541,435	5	KHẢ QUAN	4,392	8.3	1.8	40
TCM	62	609,775	5	KHẢ QUAN	4,418	33.8	2.5	38
SZC	55.9	641,455	5	KHẢ QUAN	5,590	20.2	4.0	36
PVS	30.9	12,806,350	4	KHẢ QUAN	14,769	22.0	1.2	396
VHM	69.5	3,826,470	4	KHẢ QUAN	302,629	7.9	2.3	266
BSR	27.1	9,740,505	4	KHẢ QUAN	84,024	12.9	2.2	264
FPT	111.5	2,352,505	4	KHẢ QUAN	101,933	21.6	5.3	262
VND	24.85	10,386,265	4	KHẢ QUAN	30,263	7.2	1.9	258
TCB	36.4	6,923,640	4	KHẢ QUAN	127,797	6.7	1.3	252

DCM	38.8	6,017,465	4	KHẢ QUAN	20,541	6.9	2.3	233
NVL	78.9	2,856,755	4	KHẢ QUAN	153,838	36.4	4.2	225
PVD	23	7,753,265	4	KHẢ QUAN	11,623	204.5	0.8	178
VIC	78.9	2,149,755	4	KHẢ QUAN	300,920	#N/A N/A	2.9	170
PDR	54.2	2,355,540	4	KHẢ QUAN	36,403	19.5	5.0	128
REE	92.6	1,366,845	4	KHẢ QUAN	32,839	15.4	2.4	127
MSN	114.3	1,042,120	4	KHẢ QUAN	161,922	16.2	5.9	119
ASM	18.9	4,415,160	4	KHẢ QUAN	6,360	9.1	1.2	83
VCB	79	1,032,625	4	KHẢ QUAN	373,869	16.3	3.2	82
PVT	21.6	3,575,790	4	KHẢ QUAN	6,975	10.3	1.3	77
PLX	43.5	1,440,020	4	KHẢ QUAN	55,271	22.3	2.2	63
FCN	18.3	2,904,660	4	KHẢ QUAN	2,881	51.3	1.1	53
LCG	15.3	3,414,220	4	KHẢ QUAN	2,638	13.4	1.1	52
PC1	37.5	1,293,355	4	KHẢ QUAN	8,818	11.6	1.8	49
VGT	20	1,822,365	4	KHẢ QUAN	10,000	12.7	1.4	36
VPG	47.6	734,325	4	KHẢ QUAN	3,470	6.6	2.3	35
HUT	32.6	3,375,460	3	TRUNG TÍNH	11,365	62.1	2.9	110
DGW	130.9	677,995	3	TRUNG TÍNH	11,860	15.2	5.8	89
CTR	83.5	759,565	3	TRUNG TÍNH	7,759	19.8	5.5	63
SSI	29	19,135,404	2	TRUNG TÍNH	28,790	9.6	1.9	555
HSG	21.65	9,044,180	2	TRUNG TÍNH	10,684	3.0	0.9	196
VCI	39.2	4,445,100	2	TRUNG TÍNH	13,132	8.0	1.8	174
POW	13.55	11,679,710	2	TRUNG TÍNH	31,732	15.8	1.1	158
VNM	71.1	2,214,950	2	TRUNG TÍNH	148,596	16.2	4.6	157
IDC	53.5	2,900,560	2	TRUNG TÍNH	16,050	24.4	3.9	155
KBC	44.4	3,263,870	2	TRUNG TÍNH	25,562	38.5	1.7	145
CTG	27.75	4,974,540	2	TRUNG TÍNH	133,360	10.9	1.4	138
BCG	20.9	5,791,680	2	TRUNG TÍNH	10,418	9.4	1.7	121
VRE	29.95	3,851,520	2	TRUNG TÍNH	68,056	74.7	2.2	115
GAS	118.9	848,160	2	TRUNG TÍNH	227,569	23.3	4.2	101
TPB	32	3,092,280	2	TRUNG TÍNH	50,616	9.7	1.8	99
KDC	62.5	1,463,355	2	TRUNG TÍNH	15,727	25.6	2.4	91
VCG	26.6	3,411,290	2	TRUNG TÍNH	11,750	14.0	1.8	91
VJC	128	666,020	2	TRUNG TÍNH	69,705	356.1	4.1	85
VIX	12.7	6,539,950	2	TRUNG TÍNH	6,975	6.2	1.1	83
ITA	12.15	6,685,075	2	TRUNG TÍNH	11,401	51.6	1.0	81
ACB	25.35	3,182,295	2	TRUNG TÍNH	85,618	8.2	1.8	81
VPI	62.7	1,259,400	2	TRUNG TÍNH	13,794	34.0	4.5	79
HQC	6	11,562,270	2	TRUNG TÍNH	2,860	352.3	0.7	69
HDB	26	2,619,265	2	TRUNG TÍNH	52,317	8.1	1.7	68
HDG	48.9	1,250,625	2	TRUNG TÍNH	9,968	9.5	2.2	61
PVC	24.8	2,126,360	2	TRUNG TÍNH	1,240	574.0	1.7	53
AAA	12.45	4,122,050	2	TRUNG TÍNH	4,064	12.7	0.8	51
KSB	34	1,444,835	2	TRUNG TÍNH	2,594	12.1	1.4	49
SBT	17.4	2,519,515	2	TRUNG TÍNH	10,947	15.2	1.3	44
BID	34.7	1,258,495	2	TRUNG TÍNH	175,531	15.3	2.0	44
TTF	9.3	4,613,555	2	TRUNG TÍNH	3,660	66.9	9.2	43
DBC	26.2	1,449,080	2	TRUNG TÍNH	6,039	12.8	1.3	38

<b>DIG</b>	55.7	8,499,235	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	27,844	26.4	3.7	473
<b>STB</b>	21.55	20,319,156	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	40,626	10.3	1.1	438
<b>VPB</b>	30.25	12,153,895	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	134,476	7.8	1.5	368
<b>GEX</b>	22.4	12,223,740	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	19,074	16.6	1.5	274
<b>DXG</b>	25.85	8,865,060	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	15,705	17.2	1.7	229
<b>MBB</b>	27.2	8,306,125	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	102,770	7.5	1.6	226
<b>CEO</b>	40	5,041,890	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	10,294	70.1	3.4	202
<b>NKG</b>	28.8	6,639,740	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	6,319	2.5	1.0	191
<b>SHB</b>	14.6	10,312,245	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	38,936	6.1	1.0	151
<b>CII</b>	21.6	5,493,025	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	5,448	17.1	1.0	119
<b>HCM</b>	23.3	4,638,320	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	10,653	8.9	1.4	108
<b>HAG</b>	8.9	12,020,650	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	8,254	16.1	1.8	107
<b>LPB</b>	14.6	5,376,690	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	21,952	6.6	1.2	78
<b>HDC</b>	59.5	1,236,975	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	5,145	15.4	3.4	74
<b>TCH</b>	13.1	4,462,330	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	8,754	16.6	1.0	58
<b>SCR</b>	12.65	4,355,780	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	4,634	22.2	0.9	55
<b>LDG</b>	12.6	4,137,865	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	3,017	22.2	0.9	52
<b>IDJ</b>	19.6	2,425,300	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	2,882	12.2	1.7	48
<b>KDH</b>	41	1,102,470	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	26,360	21.8	2.5	45
<b>NLG</b>	45	2,775,415	<b>-2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	17,232	23.7	2.0	125
<b>APS</b>	19.6	1,773,950	<b>-2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	1,627	2.6	1.1	35
<b>FLC</b>	5.8	10,721,230	<b>-3</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	4,118	#N/A N/A	0.5	62
<b>PVX</b>	5.1	6,932,505	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>	2,040	28.2	7.3	35

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### OPEC cân nhắc loại bỏ Nga khỏi các thoả thuận sản xuất dầu

Các biện pháp trừng phạt của phương Tây đã bắt đầu ảnh hưởng đến sản lượng dầu của Moscow. Một số thành viên OPEC đang lên ý tưởng về việc loại bỏ Nga khỏi các thoả thuận sản xuất dầu khi các lệnh trừng phạt của phương Tây và lệnh cấm nhập khẩu một phần dầu Nga từ châu Âu đã làm giảm khả năng sản xuất dầu của Nga, các đại biểu OPEC cho biết. Việc loại trừ Nga khỏi các thoả thuận sản xuất dầu có thể mở đường cho Ả Rập Xê Út, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và các nước khác thuộc Tổ chức các nước Xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) bơm thêm một lượng lớn dầu thô ra thị trường – điều mà Mỹ và châu Âu buộc họ phải làm khi giá dầu vọt lên trên 100 USD/thùng sau xung đột Nga - Ukraine. Nga là nhà sản xuất dầu lớn thứ 2 thế giới (sau Ả Rập Xê Út và Mỹ), đồng thời là nhà xuất khẩu dầu lớn thứ 2 thế giới (sau Ả Rập Xê Út). Năm ngoái, quốc gia này và 9 quốc gia khác đã đồng ý với OPEC bơm thêm dầu thô mỗi tháng. Tuy nhiên, sản lượng của nước này dự kiến giảm khoảng 8% trong năm nay. Cho đến nay, chưa có động thái chính thức nào của OPEC cho thấy họ sẽ bơm thêm dầu để bù đắp sự thiếu hụt đến từ Nga. Tuy nhiên, một số thành viên ở khu vực Vịnh Ba Tư đã bắt đầu kế hoạch tăng sản lượng trong vài tháng tới.

### KBC: chốt quyền nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 3:1

Đô thị Kinh Bắc ([HoSE: KBC](#)) cho biết đã nhận được chấp thuận của UBCK về phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ vốn chủ sở hữu vào ngày 31/5. Theo đó, ngày 22/6 sẽ là ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 3:1. Doanh nghiệp dự kiến phát hành gần 192 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 7.676 tỷ đồng. Nguồn thực hiện từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2020. Phương án thưởng cổ phiếu được cổ đông thông qua từ kỳ họp ĐHĐCĐ bất thường diễn ra đầu năm. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn có kế hoạch chào bán riêng lẻ tối đa 150 triệu cổ phần cho dưới 100 nhà đầu tư. Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 36 tháng với nhà đầu tư chiến lược và 18 tháng với nhà đầu tư chuyên nghiệp. Số tiền thu được sẽ được dùng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tái cơ cấu nợ vay, đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết.

### NVL: niêm yết bổ sung 19,3 triệu cổ phiếu

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM đã chấp thuận cho CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland - [HoSE:NVL](#)) niêm yết bổ sung hơn 19,3 triệu cổ phiếu từ ngày 3/6, nâng lượng chứng khoán niêm yết từ 1.930,4 triệu cổ phiếu lên 1.949,7 triệu cổ phiếu. Đây là lượng cổ phiếu ESOP đơn vị phân phối cho 762 nhân viên. Số cổ phiếu này chỉ được chuyển nhượng sau một năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành 20/4. Sau phát hành, vốn điều lệ doanh nghiệp đạt 19.497,3 tỷ đồng. Trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu NVL giao dịch trong phiên ngày 2/6 quanh mức 78.700 đồng/cp, hồi phục gần 5% so với mức giá

75.000 đồng/cp ngày 16/5 – phiên VN-Index thủng mốc 1.200 điểm. Song so với mức đỉnh 92.370 đồng/cp cuối tháng 6 năm ngoái, mã này đã mất 15% giá trị.

### **BID: tăng lãi suất huy động từ tháng 6**

Ngày 1/6, ngân hàng BIDV đã công bố biểu lãi suất huy động mới áp dụng từ tháng 6. Lần điều chỉnh lãi suất huy động gần nhất của BIDV là từ cách đây gần 1 năm (từ tháng 8/2021). Đáng chú ý, BIDV đã tăng lãi suất ở các kỳ hạn dài (từ 12 tháng trở lên) thêm 0,1 điểm phần trăm lên 5,6%/năm. Trong khi đó, ngân hàng giữ nguyên lãi suất các kỳ hạn ngắn, hiện kỳ hạn 6 tháng – 9 tháng là 4%/năm, kỳ hạn 3 – 5 tháng là 3,4%/năm, 1-2 tháng là 3,1%/năm. Dù điều chỉnh tăng, lãi suất của BIDV vẫn đang thuộc nhóm thấp nhất trên thị trường, cùng với Vietcombank, VietinBank có lãi suất cao nhất chỉ 5,6%/năm. Agribank còn có lãi suất thấp hơn là chỉ 5,5%/năm. Trong khi BIDV tăng lãi suất huy động thì Vietcombank mới đây công bố biểu lãi suất huy động cho hình thức gửi trực tuyến trên website, cộng thêm 0,1%/năm so với hình thức gửi tại quầy.

### **MWG chốt quyền chia cổ tức cổ phiếu 2021 tỷ lệ 100%**

Đầu tư Thế Giới Di Động ([HoSE: MWG](#)) công bố ngày 17/6 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông phân bổ quyền nhận cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 100%, 1 cổ phiếu nhận thêm 1 cổ phiếu mới. Doanh nghiệp dự kiến phát hành thêm gần 732 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1:1 để trả cổ tức. Vốn điều lệ gấp đôi lên 14.638 tỷ đồng. Nguồn thực hiện từ lợi nhuận giữ lại theo BCTC kiểm toán năm 2021. Trước đó, nhà bán lẻ thông báo ngày 8/6 đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10%. Ngày thanh toán dự kiến 17/6 và số tiền chi trả 732 tỷ đồng. Như vậy, tổng tỷ lệ trả cổ tức năm 2021 của MWG là 110% gồm 10% tiền mặt và 100% cổ phiếu.

### **VOS: sẽ trả cổ tức cổ phiếu 2021 vào quý II hoặc III**

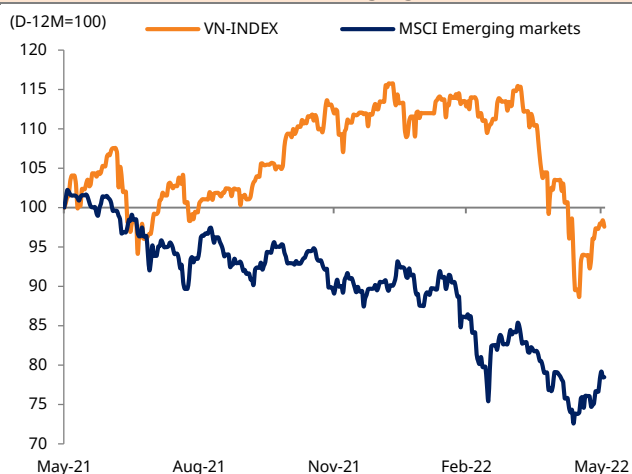
Container Việt Nam (Viconship, [HoSE: VSC](#)) thông báo điều chỉnh Nghị quyết HĐQT ngày 9/5 về triển khai phương án phát hành và hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021. Theo đó, doanh nghiệp sẽ phát hành hơn 11 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 10% để trả cổ tức năm 2021. Thời điểm dự kiến phát hành trong quý II hoặc III, sau khi được UBCK chấp thuận thay vì trong năm 2022 trong công bố trước đó. Vốn điều lệ công ty cảng biển dự kiến tăng từ 1.102 tỷ đồng lên 1.212 tỷ đồng. Mức cổ tức năm 2021 đã được cổ đông thông qua gồm 5% tiền mặt trên vốn điều lệ cũ (551 tỷ đồng) và 10% cổ phiếu theo vốn điều lệ hiện tại (1.102 tỷ đồng). Viconship đã tạm ứng 5% từ tháng 11/2021. Năm nay, doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu 1.900 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 500 tỷ đồng, lần lượt tăng 11,8% và 49% so với thực hiện 2021. Tỷ lệ cổ tức kế hoạch 20% vốn điều lệ. Quý I, Viconship báo cáo doanh thu đạt 469 tỷ đồng, tăng 8% và lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 90 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm trước. Cổ phiếu VSC chốt phiên 1/6 ở vùng giá 49.900 đồng/cp, phục hồi 27% trong vòng nửa tháng nhưng vẫn thấp hơn 7% so với vùng giá đầu tháng 5



### **BSR lãi hơn 4.400 tỷ đồng trong hai tháng**

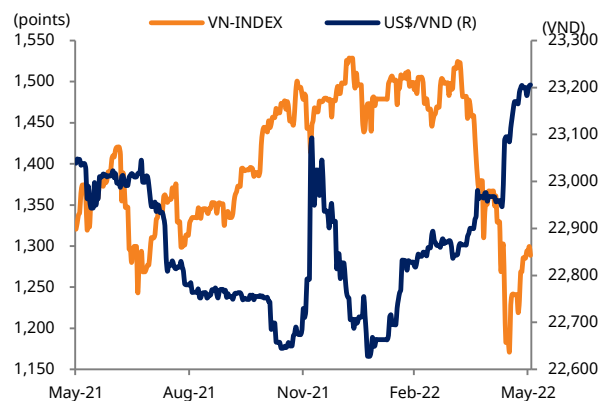
Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn ([UPCoM: BSR](#)) cho biết tính đến tháng 5, sản lượng sản xuất và tiêu thụ lần lượt đạt 2,84 triệu tấn và 2,75 triệu tấn sản phẩm, thực hiện 44% và 42% kế hoạch năm. Doanh thu trên 65.840 tỷ đồng, thực hiện 72% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế ước đạt 6.764 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch được giao (1.295 tỷ đồng). Quý I, doanh nghiệp ghi nhận 34.783 tỷ đồng doanh thu, tăng 66%. Lợi nhuận sau thuế 2.312 tỷ đồng, tăng 24%. Như vậy, riêng tháng 4 và 5, công ty lọc dầu đạt 31.057 tỷ đồng doanh thu và 4.452 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, vượt xa con số ghi nhận trong quý II/2021 (lần lượt 27.860 tỷ và 1.696 tỷ đồng). Kết quả kinh doanh BSR khởi sắc trong bối cảnh giá dầu Brent biến động tăng từ vùng 102 USD/thùng lên 117 USD/thùng. Điều này kéo theo giá xăng trong nước tăng, tại kỳ điều hành ngày 1/6, giá xăng RON 95 lập kỷ lục mới khi tăng 921 đồng/lít lên 31.578 đồng/lít, xăng E5 RON 92 tăng 602 đồng lên mức 30.235 đồng/lít.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



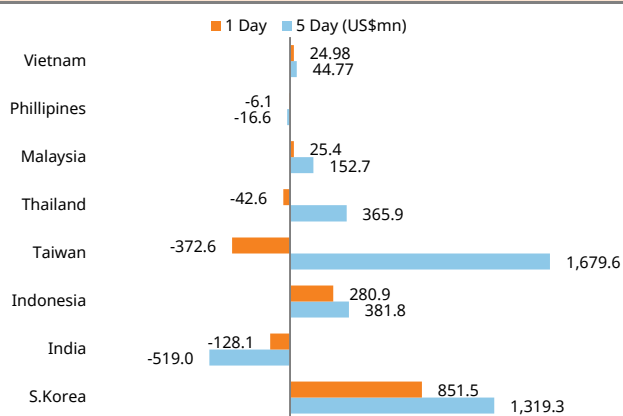
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



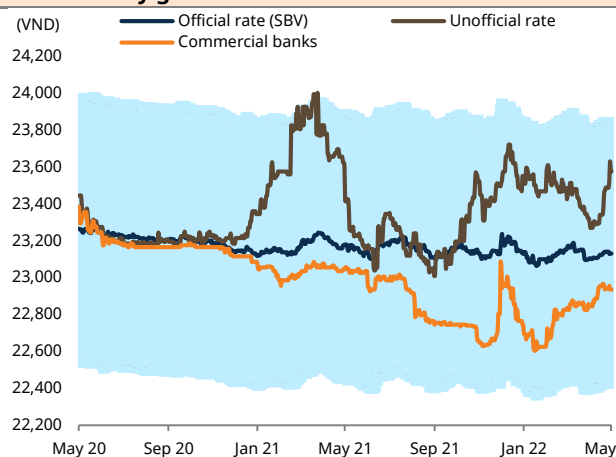
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



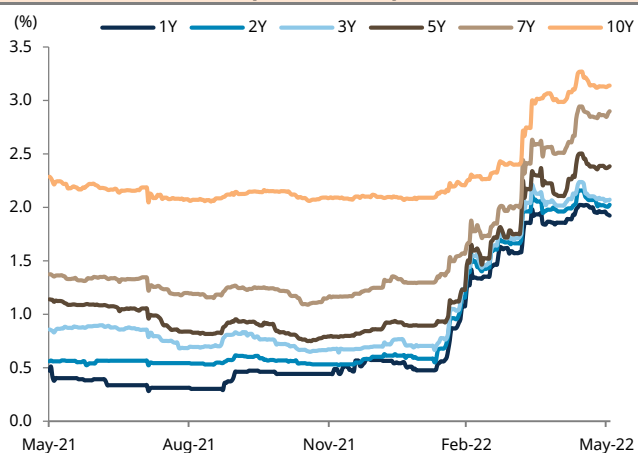
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



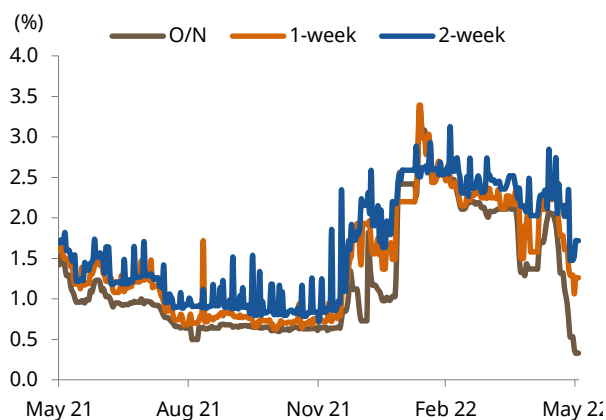
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,325.49</b>	<b>3,547,924</b>		<b>-0.7</b>	<b>-0.8</b>	<b>-6.5</b>	<b>-10.4</b>	<b>12.4</b>	<b>11.1</b>	<b>2.4</b>	<b>1.9</b>	<b>38.5</b>	<b>12.5</b>	<b>19.6</b>	<b>20.9</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	25,350	85,618	30.0	1.9	-0.4	-3.1	-11.2	9.1	7.9	1.9	1.5	24.6	15.0	23.5	25.1
BIDV	BID VN	34,700	175,531	16.8	-1.3	-1.7	-6.8	-7.9	20.1	13.2	2.1	1.9	50.3	51.8	11.0	16.4
Bao Viet Holdings	BVH VN	54,100	40,160	26.3	2.3	0.9	-12.9	0.9	21.2	16.9	1.9	1.7	21.8	25.3	9.2	11.0
VietinBank	CTG VN	27,750	133,360	26.1	0.0	2.8	0.0	-31.1	9.5	6.4	1.4	1.2	18.2	47.9	15.8	20.8
FPT Corp	FPT VN	111,500	101,933	49.0	-0.3	-0.3	6.2	30.4	25.6	22.0	5.6	4.8	21.5	16.5	23.4	26.3
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	118,900	227,569	2.9	-1.7	8.1	12.2	36.0	27.3	18.8	4.5	4.4	8.1	45.4	16.8	22.2
Vietnam Rubber Group	GVR VN	25,800	103,200	0.5	2.6	1.2	-10.6	-7.4	24.8	21.1	2.2	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	26,000	52,317	16.6	-0.6	0.8	2.8	-4.4	8.6	7.1	1.8	1.4	42.5	21.1	23.3	22.2
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	33,150	148,277	21.1	-3.5	-6.5	-23.4	-38.6	4.6	4.8	1.6	1.3	151.5	-3.7	42.8	31.8
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	41,000	26,360	32.3	-2.4	-3.6	-14.4	14.2	22.9	19.3	2.6	2.3	3.1	18.7	12.2	13.1
MBBank	MBB VN	27,200	102,770	23.2	-1.4	-2.9	-8.7	-4.6	8.1	6.5	1.7	1.4	53.0	24.1	23.6	24.7
Masan Group Corp	MSN VN	114,300	161,922	28.7	-0.6	3.9	-1.5	29.8	18.9	28.3	4.9	4.2	589.7	-33.4	35.1	16.5
Mobile World Investment Corp	MWG VN	147,700	108,095	49.0	1.5	0.7	-1.0	59.6	21.4	16.9	5.2	4.5	18.2	26.5	27.3	28.3
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	78,900	153,838	6.3	1.2	0.6	-3.8	0.6	43.4	29.8	4.3	3.8	-18.7	45.3	10.6	15.2
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	54,200	36,403	2.3	-0.6	-0.2	-12.7	-4.2	20.2	#N/A	5.2	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	43,500	55,271	17.2	-2.2	2.1	-9.4	-21.2	24.3	16.1	2.2	1.6	160.6	51.3	9.7	13.8
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	123,200	29,860	52.2	5.0	0.7	14.1	22.6	29.4	20.1	4.7	3.5	-2.6	46.3	17.0	22.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,550	31,732	2.2	-2.9	1.5	3.0	13.9	17.9	18.4	1.1	1.0	-24.2	-2.8	6.2	5.8
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	153,000	98,116	62.6	-0.1	-0.6	-5.6	0.7	27.8	22.1	4.6	4.2	-22.9	25.5	17.1	20.1
SSI Securities Corp	SSI VN	29,000	28,790	34.5	-1.9	-3.0	-13.6	-4.6	11.2	11.8	2.0	#N/A	100.3	-5.2	21.0	17.4
Sacombank	STB VN	21,550	40,626	20.7	-3.1	-3.1	-22.2	-33.1	13.2	#N/A	1.2	1.1	30.6	#N/A	9.5	12.0
Techcombank	TCB VN	36,400	127,797	22.5	-1.2	-2.8	-17.3	-31.1	7.1	6.0	1.4	1.1	46.1	17.8	21.7	20.4
Tien Phong Bank	TPB VN	32,000	50,616	29.9	0.0	-0.9	-4.8	16.1	9.9	#N/A	1.9	1.6	28.5	#N/A	22.6	22.4
Vietcombank	VCB VN	79,000	373,869	23.6	-1.9	2.1	-2.3	-4.9	18.8	14.3	3.4	2.7	19.7	32.1	19.6	21.1
Vinhomes JSC	VHM VN	69,500	302,629	23.4	-1.1	-0.3	6.9	-13.5	7.7	9.4	2.4	2.0	40.9	-17.6	36.9	23.4
Vingroup JSC	VIC VN	78,900	300,920	12.5	-0.5	1.2	-1.4	-24.5	#N/A	#N/A	2.9	2.9	-145.6	62.6	-2.8	-1.1
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	128,700	69,705	16.9	-2.0	1.3	-0.9	20.7	925.9	56.7	4.1	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	71,100	148,596	54.5	-1.1	-2.6	-4.2	-20.5	15.7	16.2	4.5	4.3	-5.3	-2.9	29.3	28.0
VPBank	VPB VN	30,250	134,476	17.4	-1.9	-2.7	-17.6	-22.4	11.4	6.9	1.7	1.3	11.6	65.3	17.9	21.4
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,950	68,056	31.1	-0.3	0.5	-3.1	-0.5	51.8	30.6	2.2	2.1	-44.8	69.4	4.4	7.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
<b>VN-Index</b>	<b>-10.90</b>	<b>5,153,780</b>	<b>-0.8</b>	<b>0.2</b>	<b>-5.7</b>	<b>-3.9</b>	<b>35.3</b>	<b>17.6</b>	<b>14.9</b>	<b>12.7</b>
Ô tô và phụ tùng	0.02	9,263	0.9	2.3	-1.0	25.7	-0.1	11.9	15.4	13.8
Ngân hàng	-4.68	1,545,761	-1.2	-0.8	-7.4	-12.5	33.7	34.7	11.1	8.2
Xây dựng cơ bản	-0.97	257,390	-1.3	-0.1	-6.1	44.4	20.3	23.3	15.2	12.4
Dịch vụ thương mại	-0.02	5,462	-1.7	1.8	-1.0	22.9	-5.1	12.5	16.2	14.4
May mặc và trang sức	0.52	57,003	3.8	1.6	1.8	25.7	11.4	40.4	21.6	15.4
Dịch vụ tiêu dùng	-0.01	7,581	-0.3	-1.1	-10.0	9.2	244.8	584.6	145.0	21.2
Dịch vụ tài chính	-0.58	126,780	-1.8	-1.8	-15.1	2.5	139.0	8.6	8.3	7.7
Dầu khí	-0.49	77,750	-2.4	2.7	-5.0	-9.8	83.2	51.4	22.7	15.0
Thực phẩm, đồ uống	-0.81	537,187	-0.6	1.3	-2.5	18.3	26.1	7.6	20.6	19.2
Y tế	0.00	3,104	-0.3	-4.1	-15.6	53.9	45.2	36.6	25.6	18.8
Bảo hiểm	0.34	54,370	2.5	1.5	-10.5	15.8	27.1	10.6	18.3	16.6
Nguyên vật liệu	-0.62	430,410	-0.5	-0.2	-14.0	24.3	118.7	-12.8	7.6	8.8
Dược phẩm	-0.03	30,131	-0.4	-1.3	-6.3	4.2	9.1	4.7	16.6	15.8
Bất động sản	-2.12	1,138,301	-0.7	-0.2	-2.6	-2.7	7.8	14.2	20.7	18.2
Bán lẻ	0.50	126,946	1.6	0.8	-1.8	90.1	33.8	26.8	20.8	16.4
Phần mềm và dịch vụ	-0.05	109,336	-0.2	-0.4	5.1	33.3	22.6	19.3	25.7	21.5
Vận tải	-0.89	193,961	-1.8	0.5	-4.8	34.6	-1.5	76.2	#N/A	#N/A
Tiện ích	-1.04	367,312	-1.1	7.0	8.2	30.9	10.1	-13.8	20.7	24.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	25,800	2.6	2,149,900	0.7
NVL VN	78,900	1.2	2,394,400	0.4
MWG VN	147,700	1.5	1,806,000	0.4
ACB VN	25,350	1.9	3,745,600	0.4
PNJ VN	123,200	5.0	2,708,900	0.4
BVH VN	54,100	2.3	2,407,700	0.2
PGV VN	31,800	2.3	16,700	0.2
BWE VN	54,900	6.6	1,334,900	0.2
DGC VN	233,600	1.7	2,049,400	0.2
VGC VN	42,200	3.2	1,482,800	0.1

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	79,000	-1.9	641,400	-1.8
HPG VN	33,150	-3.5	25,380,600	-1.4
GAS VN	118,900	-1.7	1,399,300	-1.0
VHM VN	69,500	-1.1	3,115,700	-0.9
VPB VN	30,250	-1.9	9,005,500	-0.7
BID VN	34,700	-1.3	905,200	-0.6
VNM VN	71,100	-1.1	1,487,800	-0.4
TCB VN	36,400	-1.2	3,533,700	-0.4
VIC VN	78,900	-0.5	2,935,600	-0.4
MBB VN	27,200	-1.4	6,488,000	-0.4

## Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.